

ĐẢNG BỘ KHÔI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG HÀ NỘI
ĐẢNG ỦY TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
NHIỆM KỲ 2010 - 2015

NĂM 2012

**ĐẢNG BỘ KHÔI CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HÀ NỘI
ĐẢNG ỦY TRƯỜNG ĐH MỎ-ĐỊA CHẤT**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 01-CTr/ĐU

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG
VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**

**1. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG GIAI
ĐOẠN 2005 -2010**

Công tác quy hoạch cán bộ đã được Đảng uỷ chỉ đạo kịp thời. Đảng uỷ đã lãnh đạo công tác đoàn thể, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của quần chúng, xử lý tốt các thông tin phản ánh về hiện tượng tiêu cực trong Nhà trường, tạo được lòng tin của cán bộ công chức trong nhà trường đối với Đảng uỷ.

Trong đợt kiểm tra của Ban Cán sự đảng Bộ GD&ĐT về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) Đảng bộ trường Đại học Mỏ - Địa chất đã được đánh giá là Đảng bộ trong sạch vững mạnh, tiêu biểu.

Đảng uỷ Trường đã tiếp tục quán triệt Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/2/1998 của Bộ chính trị, Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 28 tháng 3 năm 2002 và Thông báo số 159-TB/TW ngày 15-11-2005 của Ban bí thư TW triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ trong Nhà trường. Đảng bộ Trường đã triển khai sâu rộng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, đã và đang triển khai tiếp tục cuộc vận động “ Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục và “ Nói không với đào tạo không đạt chuẩn, không đáp ứng nhu cầu xã hội”; đã và đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 05 - NQ/BCSD ngày 06/ 01/2010 của Ban cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định 179/QĐ - BGD và ĐT ngày 11/ 01/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010 - 2012. Trong năm 2010, Đảng uỷ, BGH đã tổ chức đối thoại với cán bộ trẻ, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của lớp trẻ, động viên họ làm tốt các nhiệm vụ được giao và bàn biện pháp tháo gỡ khó khăn trong phạm vi và khả năng của Nhà trường.

Trong bối cảnh hiện nay, trước những diễn biến về chính trị thế giới phức tạp, các cấp uỷ Đảng đã quan tâm đến công tác giáo dục chính trị và tư tưởng, nâng cao nhận thức chính trị, nắm bắt tình hình thế giới và quán triệt những nhiệm vụ

cách mạng của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Đảng uỷ Trường đã luôn kịp thời triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cấp trên. Các tài liệu sinh hoạt chi bộ hàng tháng đều được gửi tới từng chi bộ, để kịp thời phổ biến tới đảng viên trong chi bộ.

2. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG ĐẢNG BỘ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

Nhiệm kỳ 2010 - 2015 của Đảng uỷ diễn ra trong bối cảnh mới, với những thuận lợi và khó khăn mới. Cùng với toàn đảng, toàn quân, toàn dân Thủ đô đang nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ thành phố Hà Nội, Nghị quyết Đại hội lần thứ I Đảng bộ Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, trường Đại học Mỏ - Địa chất tích cực triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ 18 của Đảng bộ trường, xây dựng trường Đại học Mỏ - Địa chất thành trường tiên tiến, phát triển theo hướng đa ngành mang tính đặc thù.

Nhiệm vụ xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của Nhà trường.

Để đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng nhân tố quyết định sự phát triển của trường, toàn Đảng bộ cần thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

2.1. Lấy nguyên tắc xây và chống để làm trong sạch, vững mạnh tổ chức Đảng

Để xây dựng Đảng, nâng cao vị thế của Đảng cầm quyền, cần phải thực hiện “xây và chống”, cụ thể là xây dựng kỷ cương trong Đảng, mỗi đảng viên dù ở cương vị nào cũng phải luôn giữ vững 4 tiêu chuẩn của người đảng viên, luôn chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng, tích cực hoạt động nhằm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Xây dựng cơ chế chỉ đạo và kiểm tra các mặt công tác có hiệu quả. Kiên quyết chống các hành vi tham ô, lãng phí, chống các hành vi làm trái pháp luật. Đặc biệt là trong cơ chế mở hiện nay, các lợi ích tập thể, cá nhân đan xen, các tệ nạn xã hội dễ làm thoái hoá biến chất cán bộ, đảng viên. Nhiều bài học đã được rút ra từ những cơ sở Đảng không làm tốt vai trò của lãnh đạo, để đơn vị xảy ra nhiều tiêu cực, cán bộ đảng viên có chức quyền mắc những sai phạm lớn trong quản lý kinh tế.

Để làm trong sạch vững mạnh tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ phải luôn tu dưỡng đạo đức cách mạng, thể hiện qua các mặt sau:

1. Tích cực học tập và làm theo tấm gương đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Gương mẫu trong công tác, không ngại khó, có tinh thần trách nhiệm

cao đối với công việc chung. Cán bộ, đảng viên phải là tấm gương đối với sinh viên.

2. Đảng viên phải gương mẫu và đi đầu trong thực hiện pháp luật, thực hành tiết kiệm. Kiên quyết chống các biểu hiện tiêu cực như: lãng phí, tham ô, lạm dụng chức quyền, suy thoái đạo đức, v.v. Xây dựng nếp sống văn hoá lành mạnh trong cán bộ, sinh viên.

3. Cán bộ, đảng viên phải tôn trọng quyền dân chủ của quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng và không để tồn tại những vướng mắc trong đơn vị kéo dài.

4. Chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, chia rẽ, bè phái vì đây là nguyên nhân làm suy yếu tổ chức đảng và đơn vị.

5. Chống quan liêu, vô trách nhiệm, chủ nghĩa hình thức, bệnh thành tích, phô trương, lãng phí.

2.2. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nhất là chi bộ

1. Ở các đơn vị công tác (bộ môn, phòng, ban) luôn có chi bộ hoặc tổ đảng. Vai trò của chi bộ và tổ đảng cần được thể hiện qua lãnh đạo công tác tư tưởng, công tác cán bộ để đơn vị có sức mạnh, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Chi bộ, tổ đảng phải là trung tâm đoàn kết của đơn vị.

2. Trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt tổ đảng, các đảng viên phải lấy phê bình và tự phê bình là nguyên tắc trong xây dựng chính đốn Đảng. Trong công tác phân loại đảng viên, bình xét thi đua cần tránh chủ nghĩa hình thức, tránh nể nang, bao che, cục bộ, v.v

3. Nội dung sinh hoạt chi bộ phải thiết thực, có tác dụng đối với sự phát triển của đơn vị, của tập thể khoa và trường. Sinh hoạt chi bộ phải đề xuất được các ý kiến tham mưu đóng góp cho chính quyền để thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị. Đảng uỷ, chi uỷ phải năng động, kịp thời chỉ ra những yếu kém để khắc phục, đưa ra được chiến lược phát triển đơn vị và có những biện pháp thực hiện đúng đắn.

4. Kịp thời triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, cần kiên quyết thực hiện đối với những vấn đề mang tính nguyên tắc trong công tác tổ chức, công tác xây dựng đảng. Kịp thời chấn chỉnh các sai phạm của cán bộ, đảng viên trong đơn vị.

5. Công tác phát triển đảng viên mới cần bảo đảm chất lượng, đúng nguyên tắc, không được chạy theo số lượng. Tổ chức cơ sở đảng cần tham khảo ý kiến của quần chúng, ý kiến đánh giá nhận xét của các đoàn thể trong công tác phát triển đảng viên mới, làm tốt công tác phát triển đảng viên trong sinh viên và cán bộ trẻ.

2.3. Kiện toàn tổ chức, làm tốt công tác lãnh đạo của Đảng

1. Để các tổ chức đảng hoạt động có hiệu quả cần có các cán bộ đủ năng lực lãnh đạo. Trước hết là khâu kiện toàn tổ chức, phân công trách nhiệm, xây dựng kế hoạch thực hiện, có chế độ đôn đốc và kiểm tra.

2. Đảng uỷ lãnh đạo để làm tốt các vấn đề về đầu tư cơ sở vật chất, quản lý tài chính, tránh lãng phí, hình thức và ngăn ngừa các tiêu cực khác có thể xảy ra, tạo niềm tin của đông đảo quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng.

3. Trong công việc phải lấy hiệu quả làm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hiện nay hầu hết các cán bộ đảm nhiệm các chức vụ trong đảng đều là kiêm nhiệm, do đó phải xây dựng một phương pháp làm việc khoa học, và phải có tinh thần trách nhiệm cao.

4. Các nghị quyết công tác của Đảng uỷ phải định hướng cho công tác của chính quyền, nhưng không được làm thay chính quyền. Tránh tình trạng ra nghị quyết mà hiệu quả thực hiện không cao.

5. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng. Trong công tác kiểm tra, giám sát phải làm đúng quy trình. Cần chỉ ra những sai phạm, đánh giá mức độ và nêu biện pháp xử lý đúng mức.

6. Thực hiện đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của Đảng uỷ cấp trên.

7. Đối với các đồng chí cấp uỷ phải xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mình trước công việc cụ thể, chịu trách nhiệm trước những quyết định của mình.

8. Đảng uỷ có kế hoạch bồi dưỡng lý luận chính trị cho cấp uỷ.

3. KẾ HOẠCH, GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

3.1. Kế hoạch thực hiện

Công tác xây dựng và chỉnh đốn đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng, đảm bảo an ninh chính trị là công việc quan trọng của tổ chức đảng. Mỗi cấp uỷ luôn phải xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, gắn liền với mọi công tác đảng.

Trong năm 2010, Đảng uỷ chỉ đạo đại hội các đảng bộ bộ phận, các chi bộ theo quy định của Điều lệ mới. Cần làm tốt công tác nhân sự, lựa chọn các đồng chí đủ năng lực và đủ điều kiện vào cấp uỷ. Quan tâm đào tạo con người, có đủ phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.

Trong các năm 2011-2013, quyết tâm chỉ đạo hoàn thành dứt điểm các nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường là hoàn thành chương trình đào tạo theo tín chỉ, nâng cao chất lượng đào tạo và đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, giữ vững vị thế chuyên môn của nhà trường. Tăng cường hợp tác quốc tế, theo hướng có hiệu quả và thiết thực. Triển khai thực hiện các Chương trình của Đảng uỷ.

Trong các năm 2014 -2015, kiểm tra kết quả thực hiện các chương trình của Đảng uỷ. Chỉ đạo tích cực nhiệm vụ mở rộng quy mô, từng bước xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường hiện đại, đạt trình độ tiên tiến. Mở rộng quy mô đào tạo hợp lý, đưa Nhà trường phát triển theo hướng đa ngành, chất lượng cao.

3.2. Giải pháp thực hiện

- Thống nhất toàn Đảng bộ về định hướng phát triển của Nhà trường. Thực hiện nghiêm chỉnh các Chương trình của Đảng uỷ. Các vấn đề lớn và quan trọng của Nhà trường cần được bàn bạc trong Đảng uỷ để tạo sự thống nhất trong hành động.

- Phát huy dân chủ, giữ vững đoàn kết, tạo sức mạnh tập thể.

- Làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục trong đảng. Các cấp uỷ phải thường xuyên nhắc nhở trong sinh hoạt đảng ở chi bộ, các hội nghị về công tác đảng.

- Ủy ban kiểm tra đảng chỉ đạo kịp thời giải quyết nhanh các vụ việc, các khiếu tố của cán bộ công chức, v.v

Định kỳ, hàng năm phải tổng kết đánh giá, phân loại đảng viên, phân loại tổ chức cơ sở đảng. Trong đó lấy các tiêu chí nêu trên làm cơ sở để đánh giá, phân loại đảng viên, tổ chức cơ sở đảng.

Cần làm tốt công tác khen thưởng trong Đảng, kịp thời biểu dương các đảng viên tích cực, tiêu biểu. Bên cạnh đó, phải thực hiện nghiêm kỷ luật đảng đối với những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng.

3.3 Tổ chức thực hiện

- Đảng uỷ tập trung chỉ đạo việc thực hiện các chương trình bằng các Nghị quyết công tác của Đảng uỷ.

- Nhà trường có kế hoạch cụ thể qua công tác tháng, các Hội nghị liên tịch.

- Các phòng ban chức năng, các khoa và bộ môn lập kế hoạch triển khai trong từng học kỳ, từng năm học.

- Định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá rút kinh nghiệm theo từng quý, học kỳ, từng năm học nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra.

Nơi gửi:

- ĐUK, ĐUT;

- Các ĐBBP, chi bộ;

- Lưu văn phòng.

T/M. ĐẢNG ỦY TRƯỜNG

Bí thư



Trần Đình Kiên

Số: 02-CTr/ĐU

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012

**CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**

1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG

Bám sát mục tiêu công tác đào tạo giai đoạn 2005 - 2010 đã đặt ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ 17, bằng các Nghị quyết công tác tháng trong suốt nhiệm kỳ, Đảng ủy đã tăng cường công tác chỉ đạo việc triển khai thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của công tác đào tạo giai đoạn 2005 - 2010.

Đánh giá chung: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy sát sao và có hiệu quả.

1.1. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác đào tạo

1.1.1. Những kết quả đã đạt được

- Thực hiện đa dạng hoá ngành nghề đào tạo ở tất cả các bậc học, thành lập 2 khoa mới (khoa Xây dựng và khoa Môi trường) cùng nhiều bộ môn và các chuyên ngành đào tạo. Các chương trình đào tạo đại học và cao đẳng được xây dựng theo chương trình khung đối với các khoá 53 trở về trước. Riêng với khoá 54 và 55 Nhà trường đã xây dựng được 33 chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Chương trình đào tạo sau đại học đã được điều chỉnh phù hợp với điều kiện đào tạo của hệ thống tín chỉ.

- Quy mô đào tạo được điều chỉnh tăng lên một cách hợp lý theo tỷ lệ 5-10% /năm. Từ 14.357 sinh viên năm 2005 đến năm 2010 là 28.073 sinh viên trong đó có 645 học viên cao học và nghiên cứu sinh.

- Giáo trình phục vụ các môn học được quan tâm từ công tác biên soạn đến in ấn cho phép đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là khi chuyển sang đào tạo theo tín chỉ.

- Thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy. Đặc biệt từ khoá 54 hệ chính quy chuyển sang đào tạo theo tín chỉ đã có nhiều hội thảo phổ biến quy chế mới và các hội thảo sơ kết, rút kinh nghiệm cho các giáo viên, cán bộ quản lý và sinh viên.

- Tiến hành nhiều biện pháp để tăng cường quản lý đào tạo trong điều kiện đổi mới hình thức đào tạo và quy mô ngày càng tăng. Đã sử dụng phần mềm Edusoft phục vụ quản lý đào tạo, xuất bản Niên giám, xây dựng và ban hành Chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo trong trường.

- Công tác quản lý đào tạo luôn được tăng cường và cải tiến sao cho thật hiệu quả.

- Ban thanh tra giáo dục của Trường hoạt động tích cực trong kiểm tra tình hình giảng dạy và học tập, góp phần nâng cao kỷ cương nề nếp và chất lượng đào tạo.

- Công tác tuyển sinh hàng năm bảo đảm đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.1.2. Những hạn chế trong công tác đào tạo giai đoạn 2005-2010

- Quy mô đào tạo tăng nhưng phân bố chưa đều và chưa hợp lý giữa các ngành. Quy mô đào tạo sau đại học vẫn chưa tương xứng với tiềm năng đào tạo của trường.

- Triển khai chương trình giáo trình của các ngành, các cấp học vẫn còn chậm.

- Lịch dạy học còn chông chéo giữa trong và ngoài trường, giữa chính quy và tại chức.

- Quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ còn những bất cập phát sinh.

*** Nguyên nhân của những hạn chế**

- Nhu cầu của người học, tiềm năng của Nhà trường và quy chế quản lý từ cấp Bộ chưa đồng thuận.

- Đào tạo theo hệ thống tín chỉ còn mới mẻ nên phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm và điều chỉnh cho phù hợp.

- Sự phối hợp giữa đào tạo chính quy và đào tạo tại chức chưa chặt chẽ, nhất là lịch giảng dạy.

- Cơ sở vật chất của Trường chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo, chưa phù hợp với việc mở rộng quy mô và sự đổi mới phương pháp dạy và học.

2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2010-2015

2.1. Mục tiêu công tác đào tạo giai đoạn 2010-2015

Đổi mới phương pháp quản lý giáo dục đại học, quyết tâm hoàn thiện chuyển đổi sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ; phát triển quy mô đào tạo hợp lý đồng thời đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo. Thực hiện đa dạng hoá ngành nghề với mục tiêu đào tạo phải đáp ứng nhu cầu xã hội. Phấn đấu đến năm 2015 có đủ năng lực về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ để đảm bảo giữ vững và từng bước nâng cao chất lượng với quy mô đào tạo của trường đạt 30.000 sinh viên bao gồm cả sinh viên chính quy, vừa làm vừa học, liên thông cao đẳng lên đại học, cao đẳng, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Việc nâng cao và giữ vững quy mô đào tạo phải gắn liền với đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, giữ vững và nâng cao thương hiệu của Trường Đại học Mở- Địa chất như là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín.

2.2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

- Đến năm 2015 phải hoàn thiện công tác tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý sinh viên theo hệ thống tín chỉ. Đổi mới phương pháp dạy và học đối với cả hệ thống đào tạo theo học phần niên chế và theo tín chỉ.

- Tăng cường công tác quản lý đào tạo và thanh tra giáo dục. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức và quản lý đào tạo trên cơ sở tăng cường áp dụng công nghệ tin học vào công tác quản lý. Hầu hết các công tác phục vụ quản lý đào tạo phải được cập nhật thường xuyên trên cơ sở phần mềm Edusoft. Công tác thanh tra giáo dục phải tiến hành hàng năm theo kế hoạch của từng học kỳ.

- Tăng cường cơ sở vật chất cho công tác đào tạo. Đẩy mạnh hơn nữa công tác biên soạn giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo phục vụ cho dạy và học theo chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Các phòng thí nghiệm, thực hành cần hiện đại hoá, cập nhật để khỏi lạc hậu so với khu vực.

- Hoàn thiện chương trình đào tạo và tuyển sinh các chương trình đào tạo của các khoa và ngành mới (Xây dựng, Môi trường). Tiếp tục phát triển đào tạo theo hướng đa dạng hoá ngành nghề, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Phát triển đào tạo phối hợp với các cơ sở đào tạo nước ngoài, đặc biệt là công tác đào tạo sau đại học. Tổ chức tốt công tác đào tạo theo chương trình tiên tiến đối với chuyên ngành Luyện hoá dầu.

- Chống các biểu hiện tiêu cực phát sinh trong công tác quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Phát triển đào tạo Sau đại học, đặc biệt với các chương trình gắn liền với đặc thù của Trường Đại học Mở - Địa chất.

3. GIẢI PHÁP, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Tập trung chỉ đạo tăng cường công tác quản lý và tổ chức đào tạo của Nhà trường, các khoa và các bộ môn:

+ Xây dựng quy trình tổ chức và quản lý đào tạo phù hợp với mô hình đào tạo theo tín chỉ, trong đó tập trung vào các khâu xây dựng kế hoạch đào tạo và xếp thời khoá biểu.

+ Tăng cường áp dụng công nghệ tin học vào công tác quản lý: sử dụng công nghệ quét cho phép chuyển điểm vào hệ thống quản lý và thông báo lên mạng.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra thực hiện quy chế giảng dạy và học tập, trong công tác quản lý sinh viên.

+ Hoàn thiện bộ máy tổ chức và quản lý đào tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm của người thầy đối với người học, thường xuyên tổ chức lấy ý kiến người học để nắm được tâm tư nguyện vọng sinh viên.

+ Tăng cường sự phối hợp trong công tác quản lý đào tạo Đại học và Sau đại học giữa Phòng Công tác chính trị- Sinh viên, Phòng Đào tạo Đại học, Đào tạo Sau đại học, Khoa Tài chức, các Khoa chuyên môn và các bộ môn.

- Tăng quy mô đào tạo cũng như chất lượng đào tạo hệ Sau đại học.

- Chỉ đạo các đơn vị có các biện pháp thích hợp để động viên cán bộ nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện tốt công tác chuyển đổi chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo, tích cực tham gia đổi mới phương pháp giảng dạy.

- Thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, bổ sung nguồn cán bộ phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ công tác giảng dạy để áp dụng có hiệu quả phương pháp giảng dạy mới, phù hợp cơ chế đào tạo theo tín chỉ.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đảng ủy tập trung chỉ đạo việc thực hiện Chương trình bằng các Nghị quyết công tác của Đảng ủy.

- Nhà trường có kế hoạch cụ thể qua các công tác tháng, các Hội nghị liên tịch.

- Các phòng ban chức năng, các khoa và bộ môn lập kế hoạch triển khai trong từng học kỳ, từng năm học.

- Mỗi học kỳ và năm học tiến hành kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra, cuối nhiệm kỳ tổng kết rút kinh nghiệm việc thực hiện Chương trình. .

Nơi gửi:

- ĐK ĐD TL
- Các ĐBBP, chi bộ
- Lưu văn phòng.

T/M ĐẢNG ỦY TRƯỞNG

Bí thư



Trần Đình Kiên

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012

Số: 03-CTr/ĐU

**CHƯƠNG TRÌNH
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**

1. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC HIỆN NAY

Theo “Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020” trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI thì việc “Phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn nhân lực chủ yếu và là mục tiêu phát triển” được Đảng ta đặt ra hết sức cấp thiết để xây dựng và phát triển đất nước ổn định.

Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XVIII (2010-2015) cũng xác định công tác cán bộ mà cụ thể là xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ giảng dạy, đóng vai trò rất quan trọng. Từ nhiệm kỳ XV Đảng ủy đã có Chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ, đến Đại hội lần thứ XVII Đảng ủy đã xây dựng Chương trình công tác số 03 “Xây dựng đội ngũ cán bộ giai đoạn 2006-2010”.

Đội ngũ cán bộ viên chức trường bao gồm: đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (từ cấp bộ môn đến cấp trường), cán bộ văn phòng, các phòng, khoa, ban, trạm, xưởng.

Từ đầu nhiệm kỳ (2005-2010), Đảng ủy đã chỉ đạo kiện toàn bộ máy các phòng, khoa, ban. Năm 2009 Đảng ủy triển khai qui hoạch cán bộ lãnh đạo đảng và chính quyền nhà trường trong những năm tiếp theo. Đảng ủy đã chỉ đạo việc qui hoạch đội ngũ cán bộ quản lý cấp trường và cấp phòng, khoa ban, bộ môn trong toàn trường để chuẩn bị nhân sự cho các giai đoạn sau. Cuối năm 2010, trên cơ sở khảo sát tình hình cụ thể của các đơn vị, Đảng ủy đã chỉ đạo Nhà trường xây dựng qui hoạch đội ngũ cán bộ trường đến năm 2015.

Tính đến tháng 03/2011 tổng số cán bộ viên chức toàn trường là 863 và được phân bổ như sau: Cán bộ giảng dạy: 612 (70,7%); phục vụ giảng dạy: 61 (7,05%); hành chính văn phòng: 192 (22,25%); Số cán bộ giảng dạy có trình độ trên đại học: 430 chiếm gần 50% tổng số cán bộ trong toàn trường chiếm 70% tổng số cán bộ giảng dạy. Như vậy cán bộ khối giảng dạy đã tăng lên, khối cán bộ hành chính văn phòng giảm đi so với nhiệm kỳ trước (CBGD tăng trên 5%, CBHC văn phòng giảm gần 3%), số cán bộ có học vị tiến sĩ gần như không tăng (122 chiếm 20%), số cán bộ học hàm GS, PGS có xu hướng giảm vì cán bộ về nghỉ hưu, nghỉ chế độ. Số cán bộ trên đại học tăng so với trước đây (trên 5%) chủ yếu là do tăng số cán bộ có trình độ thạc sĩ. Số cán bộ quản lý giáo dục trong toàn trường hoàn toàn là cán bộ giảng dạy kiêm nhiệm(gần 150 cán bộ) từ cấp bộ môn trở lên.

Đánh giá về tình hình củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ trong giai đoạn 2006 - 2010 cho thấy:

1.1. Điểm mạnh:

- Đã chú trọng tới việc quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng và chính quyền, xây dựng được qui hoạch đội ngũ cán bộ viên chức toàn trường tạo điều kiện cho tuyển dụng, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ để phát triển ổn định.

- Quan tâm đến việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ viên chức, tạo mọi điều kiện cho cán bộ trẻ đi học tập, đào tạo ở nước ngoài và trong nước. Mạnh dạn trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý tạo không khí phấn đấu vươn lên trong cán bộ trẻ.

- Động viên đội ngũ cán bộ có trình độ, có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học đã nghỉ hưu, tiếp tục đóng góp cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

- Vận dụng các qui định của Nhà nước vào điều kiện thực tế của Nhà trường trong việc xây dựng ban hành các chế độ chính sách nhằm thu hút cán bộ có trình độ, tâm huyết với sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ của trường có đủ năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị là đào tạo, nghiên cứu khoa học trong thời gian vừa qua.

1.2. Những thiếu sót, hạn chế

Chúng ta cũng thẳng thắn nhìn nhận những **thiếu sót, hạn chế** về công tác xây dựng và phát triển đội ngũ trong thời gian vừa qua để có biện pháp tích cực hơn đáp ứng được yêu cầu mới:

- Chưa chủ động lập qui hoạch và kế hoạch về đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, việc đi đào tạo chủ yếu do tự phát của cán bộ, vì vậy chỉ có một số ít cán bộ có ý thức tự trang bị kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ có đủ điều kiện thì được tuyển du học ở ngoài nước.

- Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục từ cấp bộ môn trở lên có năng lực về chuyên môn giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhưng trong quản lý giáo dục lại chưa chuyên nghiệp, chưa thành thạo vì vậy hạn chế trong công tác tham mưu, xây dựng chính sách, chế độ và tổ chức thực hiện. Kiến thức pháp luật chưa sâu, xử lý tình huống chưa tốt. Việc qui hoạch đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục chưa chủ động, chưa tiến hành thường xuyên.

- Còn lúng túng trong việc xây dựng chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Nhận thức về đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá sinh viên của nhà giáo chưa thống nhất, chú trọng dạy chữ, dạy nghề, chưa chú trọng dạy người.

- Một số văn bản qui định về nội bộ chưa đầy đủ, kịp thời, chưa phù hợp với sự thay đổi của thực tế. Công tác nghiên cứu dự báo về nhu cầu phát triển đội ngũ còn yếu hoặc thiếu cơ sở.

- Việc hướng dẫn rà soát, kiểm tra đánh giá, sơ kết, tổng kết chưa thường xuyên, cụ thể, nên hiệu quả của việc triển khai Chương trình còn hạn chế.

* Nguyên nhân của các hạn chế trên:

- Nguyên nhân khách quan: Là do các cơ quan quản lý cấp trên (Bộ), chưa chỉ đạo thường xuyên việc lập qui hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng sau đại

học cho cán bộ giảng dạy. Ở một số khoa, bộ môn cán bộ giảng dạy có khối lượng giảng dạy lớn, ít có điều kiện chuẩn bị để đào tạo bồi dưỡng nâng cao; một số cán bộ trẻ do điều kiện hoàn cảnh khó khăn về cuộc sống nên chưa tập trung để nâng cao trình độ, chuyên môn, ngoại ngữ. Cán bộ quản lý giáo dục từ cấp bộ môn thiếu kiến thức và kinh nghiệm quản lý do hầu hết đều là cán bộ kiêm nhiệm. Chế độ chính sách về lương còn nhiều bất cập.

- Nguyên nhân chủ quan: Trường chưa thường xuyên qui hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, một số đơn vị trong trường chưa quan tâm nhiều tới vấn đề qui hoạch và kế hoạch bồi dưỡng cán bộ. Cán bộ chưa chủ động nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhà trường chưa có chính sách, chế độ cụ thể thu hút cán bộ có tài năng; chưa thường xuyên qui hoạch, kế hoạch để bồi dưỡng kiến thức về quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục; việc chuyển đổi cơ chế còn chậm, còn thiếu qui định cụ thể về các qui trình giải quyết công việc trong các văn bản nội bộ; việc hướng dẫn, kiểm tra đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm chưa được chú trọng.

2. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VIÊN CHỨC TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2010- 2015

2.1. Mục tiêu cơ bản

Theo “Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2008-2020 và tầm nhìn đến năm 2030” mục tiêu chung của nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về các lĩnh vực Mỏ, Địa chất, Dầu khí, Trắc địa - Bản đồ, Kinh tế- Quản trị kinh doanh, Cơ- Điện, Công nghệ thông tin, Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ, Môi trường. Để đạt được mục tiêu đó cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ (cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý) có năng lực và trình độ cao về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội, cân đối và đồng bộ về cơ cấu.

2.2. Nhiệm vụ

- Tăng cường lãnh đạo của các cấp uỷ đảng trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, chú trọng công tác phát triển Đảng và công tác qui hoạch đội ngũ cán bộ.

- Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, coi trọng trật tự, kỷ cương, nền nếp giảng dạy, học tập và tác phong công tác.

- Thường xuyên rà soát, sắp xếp lại và bổ sung đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, sử dụng cán bộ phù hợp với ngành nghề và khả năng.

- Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp đánh giá. Chú trọng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ quản lý giáo dục.

- Tăng cường công tác quản lý thông qua kiểm tra, giám sát.

- Chủ động hoàn thiện cơ chế chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý.

3. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ đặt ra, cần phải có các giải pháp phù hợp

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng uỷ, của các đảng bộ bộ phận và chỉ uỷ trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ trong từng giai đoạn, trên cơ sở đó chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch tuyển dụng cho sát với yêu cầu phát triển của nhà trường.

- Tích cực hưởng ứng các cuộc vận động “Hai không” của Bộ GDĐT, tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh trong Trường, thực hiện đổi mới quản lý hệ thống giáo dục Đại học giai đoạn 2010-2012, thực hiện có kế hoạch việc lấy ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Thực hiện giảng viên đánh giá cán bộ quản lý. Duy trì thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật trong công tác và sinh hoạt.

- Phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ cao, đủ số lượng, cân đối về cơ cấu giữa khối giảng dạy và khối hành chính văn phòng. Nghiên cứu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ giảng dạy và đội ngũ cán bộ quản lý. Hoàn thiện về tiêu chí và qui trình tuyển dụng cán bộ, có cơ chế thu hút cán bộ giỏi, ưu tiên tuyển dụng cán bộ giảng dạy.

- Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, nghiệp vụ và ngoại ngữ cho cán bộ quản lý; nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cho cán bộ giảng dạy, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chức danh cho CBGD. Phân đấu trang bị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp trường phải có trình độ lý luận chính trị cao cấp, cán bộ giảng dạy đại học phải có trình độ sau đại học, trên 80% cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học, 25% CBGD có trình độ tiến sĩ, 100% cán bộ giảng dạy trẻ phải được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, phải thường xuyên cập nhật kiến thức mới, có kỹ năng và phương pháp để giảng dạy tốt và đánh giá chính xác kết quả người học.

- Hoàn thiện các văn bản pháp qui của nhà trường về quản lý và sử dụng cán bộ nhằm phát huy tài năng, tính năng động sáng tạo của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, đồng thời nắm chắc tình hình cán bộ. Cần định kỳ đánh giá cán bộ, tăng cường đối thoại với đội ngũ cán bộ đặc biệt là cán bộ trẻ. Quản lý chặt chẽ hồ sơ cán bộ, thực hiện chế độ báo cáo theo qui định của Đảng. Thực hiện tốt qui chế dân chủ trong các hoạt động của trường.

- Hoàn thiện cơ chế thu hút, ưu đãi cán bộ, có chế độ thưởng, phạt minh bạch. Nghiên cứu cơ chế Hiệu trưởng quyết định trả lương cho cán bộ, giảng viên và cán bộ quản lý phù hợp với hiệu quả đóng góp của họ.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đảng uỷ chỉ đạo các đảng bộ bộ phận, các chi bộ trực thuộc quán triệt nội dung của Chương trình tới đảng viên. Đề nghị các chi bộ, đảng bộ bộ phận quan tâm chỉ đạo việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ ở đơn vị mình.

- Đảng uỷ chỉ đạo định kỳ rà soát tình hình đội ngũ cán bộ, lập quy hoạch và kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng trong và ngoài nước, phong các chức danh khoa học chức vụ lãnh đạo trong trường.

- Đảng uỷ chỉ đạo chính quyền xây dựng các văn bản quy chế nội bộ, cơ chế và tiêu chuẩn phù hợp với tình hình mới để quản lý, thu hút, sử dụng, đánh

- Vận dụng Chương trình đề triển khai thành nghị quyết công tác tháng, hàng năm sơ kết, đánh giá, cuối nhiệm kỳ tổng kết kết quả thực hiện Chương trình.

Nơi gửi:

- ĐUK, ĐUT;
- Các DBBP, chi bộ;
- Lưu văn phòng.

T/M ĐẢNG ỦY TRƯỜNG



TRẦN BÌNH KIẾN

Số: 04-CTr/ĐU

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012

**CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

1. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KHCN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Trường Đại học Mỏ-Địa chất là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của nước ta về các lĩnh vực Mỏ, Địa chất, Trắc địa, Dầu khí. Trải qua 45 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích rất to lớn về hoạt động khoa học công nghệ. Trong xu thế hội nhập quốc tế và định hướng phát triển trở thành một Trường Đại học nghiên cứu, Trường Đại học Mỏ-Địa chất cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ.

1.1. Thực trạng nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ:

1.1.1. Tiềm lực khoa học - công nghệ

Lực lượng cán bộ khoa học có trình độ cao của Nhà trường hiện có 7 giáo sư, 40 phó giáo sư, 2 tiến sỹ khoa học, 122 tiến sỹ và 347 thạc sỹ. Lực lượng cán bộ này có đủ năng lực thực hiện công tác nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ, có uy tín cao đối với các cơ quan nghiên cứu khoa học và đơn vị sản xuất trong cả nước, có khả năng mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế.

Nhà trường hiện có 8 Trung tâm nghiên cứu được thành lập theo Nghị định 35/CP và 1 Công ty nhà nước thành lập theo Nghị định 68/CP của Chính phủ. Các Trung tâm và Công ty của Trường đã hoạt động có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn của Nhà trường, thực hiện tốt các chức năng và quy định của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ giảng dạy hoạt động triển khai công nghệ.

Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm của Trường đã được nâng cấp tốt hơn trong thời gian vừa qua, đã trang bị thêm nhiều thiết bị mới theo Tiêu Dự án giáo dục đại học, chương trình mục tiêu Quốc gia vốn NSNN, các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, tài trợ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ở các Phòng thí nghiệm: lĩnh vực Mỏ: Thông gió an toàn mỏ hầm lò; lĩnh vực khoa học cơ bản: Vật lý, Thực hành máy tính; lĩnh vực Trắc địa: Trắc địa, Bản đồ số - địa hình; lĩnh vực Cơ điện: Điện - Điện tử, Điện khí hoá, Kim loại và kỹ thuật cơ khí; lĩnh vực Dầu khí: Địa vật lý, Khoan - Khai thác, Dầu khí - khối thượng nguồn; lĩnh vực Địa chất: Nghiên cứu chế biến khoáng sản, Địa kỹ thuật công trình. Các phòng thí nghiệm hiện đại được trang bị trong thời gian qua đã giúp công tác nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ đạt kết quả cao hơn.

1.1.2. Những kết quả đã đạt được

Phát huy tiềm lực khoa học - công nghệ và thế mạnh của Trường, trong giai đoạn 2006-2010, hoạt động KHCN của Trường Đại học Mỏ- Địa chất đã đạt được

những thành tích đáng khích lệ, đã thực hiện xuất sắc nhiều đề tài NCKH các cấp và các dự án với các đơn vị, các địa phương trong cả nước. Lĩnh vực hợp tác và nghiên cứu của Nhà trường ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội. Thông qua việc thực hiện các đề tài, dự án nhiều đề tài tốt nghiệp của sinh viên, nhiều luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ được hoàn thành, chất lượng đào tạo của Nhà trường được nâng cao đáng kể. Các đề tài NCKH các cấp và dự án triển khai công nghệ trong 5 năm qua gồm: 02 đề tài KHCN thuộc các chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước; 02 đề tài KHCN độc lập cấp Nhà nước; 02 đề tài hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư; 23 đề tài NCCB trong KHTN; 01 dự án SXTN cấp Nhà nước; 01 đề án hợp tác nghiên cứu với Đan Mạch; 22 đề tài KIICN cấp Bộ trọng điểm; 01 dự án SXTN cấp Bộ; và 91 đề tài KHCN cấp Bộ khác. Tổng số 5718 hợp đồng đã ký kết và thực hiện mang lại tổng doanh thu 804 tỷ đồng và đã đóng góp cho Trường là 12,5 tỷ đồng. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên đã được Nhà trường chú ý và quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các sinh viên thi Olympic các cấp và thực hiện các đề tài NCKH. Nhà trường tổ chức thường xuyên Hội nghị khoa học Trường (2 năm/lần), Hội nghị khoa học sinh viên Trường (1 năm/lần), xuất bản Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mô - Spha chất (3 tháng/kỳ). Đã tổ chức và đồng tổ chức nhiều Hội nghị khoa học, Hội thảo Quốc tế.

1.1.3. Đánh giá chung

*** Ưu điểm:**

Có được những kết quả nêu trên là do Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã quan tâm đúng mức và chỉ đạo có hiệu quả, các cán bộ khoa học của Trường đã đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (NCKH) được Nhà nước giao, nắm chắc và bám sát các nhu cầu của đời sống kinh tế - xã hội, tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong NCKH. Hoạt động KHCN đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học cũng như trình độ chuyên môn của các cán bộ trong Trường, đồng thời nâng cao vị thế của Nhà trường trong xã hội.

*** Hạn chế:**

- Cơ sở vật chất kỹ thuật, các phòng thí nghiệm, thiết bị nghiên cứu còn thiếu đồng bộ, nhiều phòng thí nghiệm còn lạc hậu.
- Sử dụng cơ sở vật chất và các phòng thí nghiệm còn chưa hiệu quả, chưa có sự phối hợp giữa các đơn vị trong trường để nâng cao hiệu suất và tần suất sử dụng.
- Hoạt động nghiên cứu của các nhà khoa học còn mang tính cá nhân, chưa liên kết, tập hợp được đội ngũ các nhà khoa học mang tính tập thể, liên ngành.
- Các Công ty và Trung tâm chưa có lực lượng cán bộ, công nhân đủ mạnh để thực hiện các dự án, hợp đồng triển khai công nghệ ở quy mô lớn.
- Công tác triển khai kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ của các đề tài đã được nghiệm thu chưa được coi trọng, chưa gắn các đề tài nghiên cứu khoa học với nhiệm vụ đào tạo và sản xuất kinh doanh.

1.2. Định hướng phát triển KHCN giai đoạn 2011-2015

1.2.1. Mục tiêu

- Phát huy mạnh mẽ tiềm năng của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của Nhà trường, tập trung bồi dưỡng cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao, tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng các phòng thí nghiệm hiện đại nhằm nâng cao chất lượng và

hiệu quả của hoạt động khoa học - công nghệ, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ 18 về khoa học - công nghệ;

- Hoạt động khoa học - công nghệ phải gắn liền với tăng cường năng lực nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, trên cơ sở đó nâng cao chất lượng công tác đào tạo, đồng thời nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ, công chức và sinh viên;

- Nghiên cứu khoa học phải đi trước thực tiễn sản xuất, hướng dẫn cho sản xuất phát triển, phấn đấu có sản phẩm công nghệ mang thương hiệu Đại học Mở - Địa chất.

1.2.2. Các định hướng

- * Định hướng về tổ chức và quản lý hoạt động KHCN

- Đổi mới cơ chế quản lý;
- Tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực;
- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên và thu hút các nhà khoa học có trình độ cao ở bên ngoài tham gia đào tạo;
- Nghiên cứu xây dựng một số Viện nghiên cứu và các doanh nghiệp KHCN trong Trường.

- * Định hướng về nhiệm vụ nghiên cứu

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án và đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, tập trung vào các chương trình trọng điểm quốc gia.

- Xây dựng và phát huy tiềm lực về cơ sở vật chất, con người và khoa học - công nghệ.

- Đổi mới công tác thông tin khoa học.

1.2.3. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ

- * Về xây dựng các chương trình, dự án và đề tài NCKH

- Bám sát các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Nhà nước, của các Bộ, Ngành liên quan, tập trung trí tuệ tập thể đề xuất các đề tài, dự án phù hợp theo từng năm, từng giai đoạn;

- Đổi mới phương thức tuyển chọn và quản lý các đề tài NCKH-TKCN các cấp.

- Tăng cường và mở rộng hợp tác về khoa học và chuyển giao công nghệ với các cơ quan hữu quan, các địa phương trong cả nước và trên thế giới. Huy động được nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động khoa học - công nghệ từ các địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân.

- Thường xuyên nắm bắt và đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tế của các địa phương, các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất để đề xuất hoặc cùng đề xuất các đề tài, dự án chuyên môn phục vụ trực tiếp cho các địa phương và doanh nghiệp;

- Khuyến khích và ưu tiên đặc biệt cho các đề tài có khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất,

- Tập trung xây dựng và thực hiện một số chương trình nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ theo các hướng chính sau:

- + Trắc địa, Cơ điện, Mỏ, Dầu khí, Địa chất, Xây dựng, Môi trường;

- + Nghiên cứu cơ bản trên các lĩnh vực: Biến đổi khí hậu, biển, Vật liệu mới, năng lượng mới.

- + Công nghệ khai thác mỏ dưới sâu

- Tăng cường hơn nữa hợp tác nghiên cứu khoa học quốc tế ở mọi hình thức, tăng cường các đề tài NCKH dạng nghị định thư hoặc hợp tác quốc tế với các nước tiên tiến và các nước trong khu vực.

* Về xây dựng và phát huy tiềm lực khoa học – công nghệ:

- Tiếp tục bồi dưỡng các cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao, rà soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm đã được đầu tư từ nguồn kinh phí Nhà nước, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm, có chất lượng cao.

- Tổ chức lại hoạt động của các Trung tâm và Công ty, xây dựng cơ chế quản lý mới đối với các Trung tâm và Công ty, dần dần chuyển các Trung tâm, Công ty thành doanh nghiệp KHCN.

- Thí điểm thành lập một Viện nghiên cứu trực thuộc Trường để từng bước xây dựng Nhà trường theo mô hình Đại học nghiên cứu.

- Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, các nhóm nhà nghiên cứu trẻ trong Nhà trường để tập hợp đội ngũ cán bộ khoa học giỏi của các Khoa.

* Về công tác thông tin khoa học

- Tổ chức tốt các Hội nghị khoa học cấp Trường (2 năm 1 lần), các Hội thảo khoa học chuyên ngành, các Hội thảo Quốc tế, các Hội nghị khoa học sinh viên và các kỳ thi Olympic các cấp;

- Xuất bản và phát hành thường xuyên Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ-Địa chất và các thông tin khoa học khác.

- Nghiên cứu chuẩn bị để có thể xuất bản Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất bằng tiếng Anh hoặc song ngữ.

2. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN HTQT GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

2.1. Thực trạng về hoạt động HTQT

2.1.1. Những kết quả đã đạt được

Trên cơ sở đường lối đổi mới của Đảng về công tác đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá và đa dạng hoá trong quan hệ quốc tế, trong 5 năm 2006-2010 Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã có những bước tiến quan trọng trong công tác hợp tác quốc tế. Phòng Hợp tác quốc tế và Ban Du học Trung Quốc đã hoạt động có hiệu quả và thu được những kết quả rất khả quan, gồm:

- Đã tiếp tục củng cố, mở rộng và đặt quan hệ hợp tác với nhiều trường và viện nghiên cứu của các nước Nga, Trung Quốc, Ba Lan, Đức, Pháp, Anh, Mỹ, Nhật Bản, Úc, Thụy Điển, Đan Mạch, Na Uy, Thái Lan, ...

- Đã thực hiện được 2 đề tài nghiên cứu khoa học theo hình thức Nghị định thư với Trung Quốc và Vương quốc Anh;

- Triển khai có hiệu quả các dự án khoa học với Đan Mạch, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản;

- Hàng năm gửi hàng chục cán bộ giảng dạy đi đào tạo nghiên cứu sinh, thạc sỹ, thực tập khoa học và tham gia hội thảo, hội nghị khoa học ở các nước có quan hệ hợp tác bằng các nguồn kinh phí khác nhau;

- Đã hoàn thành Đề án 322 đào tạo 7 học viên bậc Thạc sĩ ở Trung Quốc, 5 trong số 7 học viên đã được chuyển tiếp lên bậc Tiến sĩ, dự kiến sẽ bảo vệ luận án vào năm 2013;

- Đã xây dựng và được Bộ Giáo dục và Đào tạo duyệt Đề án đào tạo Thạc sĩ khoa học Địa Thông tin và Quan trắc Trái đất, ngành Các khoa học Trái đất ứng dụng phối hợp với Trường Đại học Twente;

- Đã xây dựng và triển khai Chương trình đào tạo tiên tiến ngành Công nghệ hoá học, chuyên ngành Lọc – Hoá dầu với Trường Đại học California, Davis Mỹ. Khoá 1 (năm học 2010) đã tuyển được 23 sinh viên;

- Phối hợp với các Công ty, Tổ chức nước ngoài và các Trường Đại học tổ chức và triển khai các khoá Đào tạo ngắn hạn cho sinh viên, cán bộ trong và ngoài trường (các Khoá về Dầu khí, Kinh tế với Hiệp hội các nhà giáo Total, các khoá về Chính sách quản lý nước với Đại học Miami, các khoá về GIS mã nguồn mở với Đại học Kyoto, ...);

- Gửi gần 500 sinh viên đi học theo hình thức tự phí ở Trung Quốc;

- Tranh thủ được sự giúp đỡ của nhiều tổ chức, công ty nước ngoài về trao học bổng cho sinh viên giỏi, tài liệu khoa học, thiết bị nghiên cứu, phần mềm chuyên dụng phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

- Theo định kỳ tổ chức cho sinh viên tham gia dự tuyển vào làm việc và thực tập hè ở các Công ty nước ngoài;

- Hàng năm mời hàng chục đoàn khách quốc tế thăm và làm việc với Trường về công tác nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị, đào tạo và giảng dạy.

2.1.2. Đánh giá chung

* Ưu điểm

- Đội ngũ cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế có đủ năng lực chuyên môn và trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về HTQT của Trường.

- Triển khai được một số chương trình lớn mang lại uy tín cho Nhà trường

* Hạn chế:

- Chưa xây dựng được đội ngũ cộng tác viên là cán bộ giảng dạy của các khoa đã và đang học tập, nghiên cứu ở nước ngoài làm công tác hợp tác quốc tế;

- Việc hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu mới dừng ở mức độ trao đổi, ký kết văn bản, mà chưa triển khai có hiệu quả các nội dung hợp tác cụ thể về đào tạo và NCKH;

- Cơ sở vật chất kỹ thuật, phòng thí nghiệm còn lạc hậu làm cho đối tác nước ngoài chưa tin tưởng hợp tác nghiên cứu;

- Chưa có chính sách, cơ chế thu hút các nhà khoa học nước ngoài và Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại Trường.

2.2. Định hướng phát triển HTQT giai đoạn 2011-2015

2.2.1. Mục tiêu

Tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế đa phương nhằm nâng cao vị thế quốc tế của Nhà trường, mở rộng mô hình chương trình đào tạo tiên tiến, đào tạo phối hợp bậc đại học và sau đại học, ứng dụng các phương pháp nghiên cứu hiện đại phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với chất lượng cao, sớm hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

2.2.2 Các định hướng

- Duy trì và đổi mới phương thức hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với các nước có quan hệ truyền thống như Liên bang Nga, Trung Quốc, Ba Lan, Đức;
- Mở rộng hợp tác đa phương với các nước Phương Tây và khu vực Châu á, Thái Bình Dương;
- Tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo và nghiên cứu phối hợp theo Đề án 322, theo Nghị định thư, đa dạng hóa các loại hình đào tạo;
- Tích cực tìm kiếm các Dự án tài trợ, trao đổi cán bộ khoa học, dự Hội nghị khoa học và Hội thảo quốc tế;
- Có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ giảng dạy của Nhà trường.

2.2.3. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ

- Hoàn thiện các quy trình: quy trình đoàn ra, đoàn vào, quy định báo cáo của các đoàn đi công tác nước ngoài, quy định về ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài sao cho tạo tính thuận lợi trong quan hệ hợp tác nhưng cũng đảm bảo chặt chẽ công tác an ninh chính trị trong hợp tác quốc tế;
- Tiếp tục đẩy mạnh các hợp tác nhận sự tài trợ của quốc tế thông qua việc phát triển các chương trình, dự án hợp tác song phương và đa phương, tận dụng tối đa sự hỗ trợ quốc tế cho chiến lược phát triển của Nhà trường;
- Phát triển các dự án nghiên cứu liên quốc gia dưới dạng Nghị định thư, hợp tác song phương nhằm tăng cường học tập và trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau;
- Tăng cường, mở rộng và chính thức hóa các hoạt động hợp tác trao đổi giảng viên và sinh viên với các trường đại học và các viện nghiên cứu trên thế giới, có thể cùng liên kết với các cơ quan, các tổng công ty liên quan trong nước (Tập đoàn Than và khoáng sản, Tập đoàn Dầu khí) để triển khai mô hình hợp tác này;
- Tìm kiếm và nhanh chóng đưa thông tin về các học bổng để gửi cán bộ đi đào tạo trình độ Tiến sĩ tại các trường Đại học danh tiếng ở những nước có mối quan hệ từ lâu với Trường ta như Nga, Ba Lan, Đức, Pháp, Trung Quốc, các nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Singapore, ... và các nước tiên tiến như Nhật, Hàn Quốc, Thụy Sĩ, Hà Lan, Áo, Anh, Mỹ;
- Xây dựng các chương trình đào tạo Sau Đại học dưới hình thức đồng hướng dẫn với các giáo sư nước ngoài dùng nguồn kinh phí của chương trình 322 “Đào tạo cán bộ ở các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước”;
- Hợp tác đào tạo Đại học và Sau Đại học với sự tham gia của các Trường Đại học và Viện nghiên cứu nước ngoài;
- Tiếp tục tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các cán bộ nghiên cứu khoa học của trường có điều kiện tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm;
- Tranh thủ sự giúp đỡ về mặt tài chính của các Trường, cơ quan, tổ chức nước ngoài để xây dựng cơ sở vật chất và phát triển hệ thống các Phòng thí nghiệm của trường; tìm hiểu về các tổ chức quốc tế để tham gia và khai thác sự hỗ trợ, đồng thời tập trung khai thác hiệu quả sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế đang có quan hệ hợp tác với Trường;

- Tạo điều cho việc trao đổi giáo viên, chuyên gia (đón nhận các chuyên gia, giáo sư đến thăm và làm việc với đội ngũ Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu của Trường);

- Tạo điều kiện cho những hoạt động giao lưu giữa sinh viên của Trường và các nước khác, tổ chức các hội nghị khoa học quốc tế dành cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh;

- Tạo cơ hội việc làm cho sinh viên bằng cách phối hợp tổ chức các buổi giới thiệu về các công ty liên doanh với nước ngoài tại Trường để sinh viên có điều kiện tiếp xúc, tìm hiểu và lựa chọn cơ hội tốt cho mình (Giới thiệu về Công ty Schlumberger, Công ty Chevron, Conoco-Phillips...)

- Phát triển hoạt động liên doanh, liên kết với các trường đại học trên thế giới trong việc tuyển sinh, đào tạo đại học cho sinh viên Việt Nam tại Việt Nam và tại các nước khác như mô hình nhiều trường ĐH của Việt Nam đã áp dụng;

- Xây dựng Ban hợp tác đào tạo nước ngoài với chức năng quản lý, tổ chức các hoạt động đào tạo bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Đức) dưới dạng các khóa học quốc tế ngắn hạn, các chương trình nghiên cứu, hướng dẫn thực hành và đặc biệt là các chương trình đào tạo sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ). Nhóm hoạt động này bước đầu có thể được thực hiện dưới dạng liên kết với các trường có kinh nghiệm trên thế giới để đào tạo giảng viên, thống nhất, chuẩn hóa các chương trình, tài liệu và phương pháp giảng dạy, sau đó từng bước thực hiện việc giảng dạy và tuyển học sinh Việt Nam và quốc tế độc lập;

- Chú trọng nâng cao nghiệp vụ và năng lực HTQT cho các chuyên viên của phòng HTQT và các cộng tác viên thông qua tìm kiếm và cử các chuyên viên tham gia khóa bồi dưỡng nghiệp vụ HTQT và tổ chức các khóa học nâng cao về biên, phiên dịch cho các chuyên viên phòng HTQT;

- Tạo điều kiện cho các cán bộ giảng dạy nâng cao trình độ ngoại ngữ, tham gia các hoạt động khoa học, viết báo cáo cho các hội nghị khoa học và tìm kiếm các nguồn tài trợ đồng thời hỗ trợ kinh phí cho các bộ trẻ tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế.

- Xây dựng mạng lưới các cán bộ trẻ đang đào tạo ở các trường đại học và viện nghiên cứu nước ngoài để trao đổi cập nhật thông tin, tài liệu chuyên ngành cũng như xây dựng các đề án, dự án về đào tạo, nâng cao năng lực nghiên cứu thông qua các cán bộ trẻ của Trường đang học tập ở các cơ sở đó;

- Quản lý tốt và tổ chức các hoạt động sinh viên nước ngoài đang học tập và nghiên cứu tại Trường, từng bước nâng cao uy tín của phòng HTQT trong vai trò quản lý sinh viên nước ngoài và của Nhà trường;

- Phối hợp chặt chẽ giữa phòng HTQT, phòng KHCN và các khoa chuyên môn cùng các bộ phận liên quan để cùng thực hiện và giám sát các hoạt động về đào tạo, HTQT và KHCN;

- Từng bước mở rộng và triển khai các hoạt động dịch vụ, tăng nguồn thu cho Nhà trường thông qua công tác hợp tác đào tạo với nước ngoài.

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Tổ chức quán triệt nội dung và kế hoạch thực hiện Chương trình;

- Hàng năm chỉ đạo kiểm tra, hướng dẫn các Đảng bộ bộ phận. Chỉ bộ trực thuộc so kết đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo kế hoạch công tác cho các năm tiếp theo.

Nơi gửi:

- ĐUK, ĐUT;
- Các ĐBBP, chỉ bộ;
- Lưu văn phòng.

T/M ĐẢNG ỦY TRƯỞNG

Bí thư



...an Đình Kiên

Số: 05-CTr/ĐU

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012

**CHƯƠNG TRÌNH
TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA CÁC ĐOÀN THỂ
TRONG VIỆC QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**

**1. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐOÀN THỂ VỚI VIỆC
QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG NHỮNG NĂM QUA**

- Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội CCB đã phát huy chức năng vận động quần chúng thực hiện tốt các Chương trình công tác của Nhà trường, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cán bộ viên chức, trực tiếp tham gia xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ, tăng cường công tác quản lý.

- Đã phát huy chức năng của tổ chức kiểm tra, thanh tra, làm rõ những vấn đề quần chúng thắc mắc, khiếu nại giúp cho công tác quản lý tốt hơn.

- Trong những năm qua, Đảng ủy đã tạo điều kiện để Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia tích cực và có hiệu quả vào các hoạt động của Nhà trường, là thành viên của các Hội đồng Nhà trường: Hội đồng lương, Hội đồng tổ chức, Hội đồng thi đua, Hội đồng nhà đất, tại các cuộc họp Liên tịch định kỳ theo qui giữa Đảng ủy, Ban giám hiệu, Công đoàn Trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Các đoàn thể bàn bạc với Nhà trường thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm trong qui.

** Những hạn chế:*

- Kiểm tra giám sát của tổ chức TTND, UBKT CĐ chưa thường xuyên.
- Nguồn lực cung ứng cho hoạt động Đoàn thể còn bị hạn chế.

2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

2.1. Mục tiêu

Xây dựng một chương trình hành động để cán bộ, các tổ chức đoàn thể tham gia có hiệu quả vào hoạt động quản lý của Nhà trường.

2.2. Nhiệm vụ chủ yếu

- Các tổ chức đoàn thể phối hợp với Nhà trường trong việc tổ chức, thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của Nhà trường (Ban hành theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT). Thực hiện dân chủ trong nhà trường nhằm phát huy quyền làm chủ và huy động tiềm năng trí tuệ của lãnh đạo, nhà giáo, người học, đội ngũ cán bộ, công chức trong nhà trường theo luật định, góp phần xây dựng nền nếp, trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của Nhà trường, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội, thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Cần lấy ý kiến tham gia đóng góp xây dựng của các Đoàn thể trong Nhà trường trước khi quyết định:

+ Kế hoạch phát triển, tuyển sinh, dạy học, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Nhà trường trong năm học.

+ Quy trình quản lý đào tạo, những vấn đề chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức bộ máy trong Nhà trường.

+ Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo, cán bộ viên chức.

+ Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường, các hoạt động dịch vụ sản xuất của Nhà trường.

- Cùng với Nhà trường tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng hàng năm, xây dựng lề lối làm việc, nội quy, quy chế trong Nhà trường.

3. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Nhà trường tạo điều kiện để cán bộ viên chức được biết, tham gia ý kiến, giám sát kiểm tra thông qua các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường:

+ Những chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với nhà giáo, cán bộ viên chức.

+ Thi tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức, nâng bậc lương, chuyển chuyển, điều động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật.

+ Về tuyển sinh và thực hiện quy chế đào tạo từng năm học.

+ Báo cáo sơ kết, tổng kết, nhận xét, đánh giá công chức hàng năm.

+ Công khai các khoản đóng góp của người học, việc sử dụng kinh phí và chấp hành chế độ thu chi, quyết toán theo qui định hiện hành.

- Công đoàn, các đoàn thể cùng Nhà trường xây dựng những qui định về sử dụng tài sản, xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường (Qui định về sử dụng điện, nước, xe, điện thoại ...) theo các qui định, nghị định mới về quyền tự chủ của các trường Đại học.

- Tổ chức tốt các hoạt động của Ủy ban kiểm tra Công đoàn và Thanh tra Nhân dân. Thanh tra Nhân dân có trách nhiệm thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra việc thực hiện qui chế dân chủ, có trách nhiệm lắng nghe ý kiến của quần chúng, phát hiện những vi phạm qui chế dân chủ trong Nhà trường để đề nghị Hiệu trưởng giải quyết. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo qui định của Luật khiếu nại, tố cáo. Công đoàn chỉ đạo Ban thanh tra Nhân dân có kế hoạch công tác cụ thể theo quý, năm.

- Giải quyết các chế độ, quyền lợi, đời sống vật chất tinh thần cho nhà giáo, cán bộ viên chức, cho người học. Xây dựng và hoàn chỉnh các khoản chi phúc lợi trong Qui chế chi tiêu nội bộ theo tinh thần Nghị định 43/NĐCP ngày 25/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cùng Nhà trường tổ chức phong trào thi đua ngắn hạn, khen thưởng hàng năm, xây dựng nội qui, qui chế lề lối làm việc trong Nhà trường. Hoàn chỉnh qui định khen thưởng của Chính quyền. Tuyên truyền vận động cán bộ thực hiện chống các biểu hiện tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng qui chế làm việc giữa Ban giám hiệu và Công đoàn Trường.

- Tổ chức các Hội nghị liên tịch theo quý, có đánh giá những nội dung đã thực hiện được, phản ánh kịp thời các ý kiến của cán bộ viên chức trong trường.

- Hàng năm tham gia tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức các cấp.

- Tổ chức tốt các Hội đồng trong Nhà trường: Hội đồng lương, Hội đồng tổ chức, Hội đồng thi đua, Hội đồng nhà đất, nghiên cứu thành lập Hội đồng Trường theo chủ trương của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Phát huy vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong giáo dục tư tưởng, lối sống và nhân cách của sinh viên, vận động sinh viên tích cực học tập, nghiên cứu khoa học, tổ chức tốt các hoạt động văn hóa thiết thực nâng cao chất lượng đào tạo.

- Các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường có trách nhiệm: Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các đoàn thể, các tổ chức, dân chủ bản bạc các chủ trương, biện pháp thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường.

- Tăng cường giao lưu hoạt động đoàn thể với các trường đại học, cao đẳng trong khu vực.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Ban thường vụ Đảng ủy tổ chức phổ biến quán triệt nội dung Chương trình và có kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình.

- Đảng ủy và các đoàn thể chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, sơ kết theo định kỳ để rút kinh nghiệm và triển khai tốt hơn.

Nơi gửi:

- ĐUK, ĐUT;
- Các ĐBBP, chi bộ;
- Lưu văn phòng.

TM. ĐẢNG ỦY TRƯỜNG

Bí thư



Trần Đình Kiên

**ĐẢNG BỘ KHÔI CÁC TRƯỜNG
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HÀ NỘI
ĐẢNG ỦY TRƯỜNG ĐH MỎ - ĐỊA CHẤT**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 06-CTr/ĐU

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012

**CHƯƠNG TRÌNH
XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT NHÀ TRƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**

**1. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA TRƯỜNG ĐH MỎ
- ĐỊA CHẤT**

1.1. Hiện trạng cơ sở vật chất chính của Nhà trường

Hiện nay, diện tích mặt bằng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất kể cả khu làm việc và khu nhà ở đã phân cho cán bộ là 7,573 ha (bao gồm khu A Đông Ngạc và khu B Cổ Nhuế, khu C Nghĩa Tân, khu M Đại học Bách khoa và khu vực thực tập Lạng Sơn).

Tại khu A, khối nhà C12 tầng là khu làm việc của Ban Giám hiệu, các phòng và các khoa; Nhà C 5 tầng, tầng hầm là phòng thí nghiệm của Bộ môn Trắc địa cao cấp, tầng 1, 2 và 3 thuộc Trung tâm Thông tin- Thư viện, tầng 4 và 5 là phòng thí nghiệm và phòng máy tính; khối nhà A, khối nhà B1, B2, nhà C (cũ) và nhà D là chủ yếu là lớp học. Cũng tại khu A, chúng ta còn có hội trường 300, nhà ăn, Trạm Y tế và hai khối nhà 4 tầng dành làm ký túc xá sinh viên: ký túc xá sinh viên Lào đã xây xong phần thô, đang được hoàn thiện để đưa vào sử dụng.

Tại khu B có một số lớp học dạng nhà cấp 4 và một ký túc xá dành cho cán bộ trẻ và sinh viên tại chức; phòng thí nghiệm tuyển khoáng, nổ mìn, khoan, hiện tại đang xây dựng khu giảng đường 6 tầng và ký túc xá 9 tầng.

Khu Nghĩa Tân được sử dụng cho đào tạo cao học và một số lớp hệ vừa làm vừa học. Khu Đại học Bách khoa hiện nay Trung tâm Địa kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Cơ - Điện mỏ đang sử dụng.

Hiện nay, Nhà trường đang tìm kiếm nguồn kinh phí để giải phóng mặt bằng ở khu Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội theo quy hoạch của thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Nhà trường còn có một số bãi thực tập Trắc địa, Địa chất ở Lạng Sơn và một số địa điểm ở ngoài Trường.

Theo chương trình mục tiêu, chúng ta đã nâng cấp và bổ sung thêm một số thiết bị cho hệ thống mạng, phòng máy tính và cho một số phòng thí nghiệm các bộ môn.

Đang triển khai Phòng Thí nghiệm khối thượng nguồn với kinh phí là 6.9 tỷ đồng xin Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam hỗ trợ cho Nhà trường, các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu: Phòng thí nghiệm Địa chất công trình- Địa kỹ thuật với kinh phí trên 7 tỷ đồng và Phòng thí nghiệm Nguyên liệu khoáng với kinh phí 5 tỷ đồng.

Tuy nhiên, nhiều trang thiết bị trong các phòng thí nghiệm của các bộ môn, các trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo chung của Nhà trường đã cũ, lạc hậu và không đủ cho dạy và học. Lớp học còn thiếu, đặc biệt là thiếu các lớp học trên 100 sinh viên, thiếu hệ thống lớp học dành cho đào tạo sau đại học và phòng hội thảo hiện đại.

Nhìn chung, cơ sở vật chất hiện tại của Nhà trường chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của Trường trong hiện tại và tương lai.

1.2. Nguyên nhân

- Nguồn kinh phí được cấp hàng năm từ Nhà nước quá ít không đáp ứng được yêu cầu phát triển cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Không có kinh phí giải phóng mặt bằng khu vực trường mới nên không có đất để quy hoạch phát triển Trường.

2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

2.1. Mục tiêu

- Từng bước hiện đại hoá và tin học hoá cơ sở vật chất của Nhà trường trên cơ sở quy hoạch và sử dụng hợp lý tài nguyên đất và cơ sở vật chất hiện có, xây dựng các dự án có tính đột phá.

- Nhanh chóng tìm được phương thức và giải pháp tạo nguồn nguồn kinh phí giải phóng mặt bằng khu trường mới.

- Từng bước thực hiện theo quy hoạch phát triển Trường trong giai đoạn 2010 - 2020.

2.2. Nhiệm vụ cụ thể đến năm 2015

- Quy hoạch và sử dụng hợp lý đất và các khu nhà hiện có của Trường như: chống xuống cấp khối nhà A, nhà B, C và D, ký túc xá sinh viên, trong khu B, ngoài các công trình đang xây dựng, cần kiểm tra và quy hoạch sử dụng hợp

lý, có hiệu quả các lớp học, phòng thí nghiệm và diện tích đất còn lại; đề xuất sử dụng có hiệu quả khu Nghĩa Tân và khu Bách Khoa;

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng ký túc xá sinh viên Lào (khu A) và khu làm việc, ký túc xá sinh viên (khu B) trong năm 2012.

- Xây dựng các dự án có tính đột phá bước đầu như cho các phòng thí nghiệm công nghệ cao cấp khoa, thư viện trường; dự án hiện đại hoá giảng đường và các phòng hội thảo;

- Tiếp tục thực hiện tin học hoá trong công tác quản lý Nhà trường, duy trì và nâng cấp cơ sở hạ tầng hệ thống Internet.

- Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và quy hoạch sử dụng khu Trường mới.

3. GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

- Tăng cường sự chỉ đạo của Đảng uỷ và Ban Giám hiệu đối với các phòng, ban chức năng để hoàn thành có chất lượng các dự án quy hoạch, phát triển Trường và triển khai các công việc cụ thể theo kế hoạch hàng năm trong đầu tư và xây dựng;

- Tranh thủ tối đa sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các ban, ngành Trung ương và của Hà Nội để có kinh phí đầu tư;

- Tranh thủ sự ủng hộ của các doanh nghiệp để có thể phối hợp đầu tư hoặc dưới hình thức hỗ trợ vay vốn ưu đãi.

- Tăng kinh phí đầu tư nhỏ từ các nguồn kinh phí tự có như mở rộng quy mô và hình thức đào tạo; mở các dịch vụ hợp pháp, sử dụng hợp lý cơ sở của Trường ở khu M Đại học Bách khoa, khu Nghĩa Tân.

- Tìm kiếm các dự án hỗ trợ của nước ngoài.

- Đảng uỷ Trường chỉ đạo và cử các đồng chí trong Ban Giám hiệu hoặc các cán bộ lãnh đạo khác trong Trường chủ trì xây dựng dự án, đề xuất các phương án khả thi và có kế hoạch thực hiện cụ thể.

- Trong năm 2010 và 2011 triển khai các dự án xây nhà làm việc, ký túc xá khu B, ký túc xá sinh viên Lào theo kinh phí đã được các cấp phê duyệt; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm nghiên cứu và chế biến khoáng sản, Địa kỹ thuật công trình.

Năm 2011 hoàn thành dự án Phòng thí nghiệm Khối thượng nguồn theo kinh phí hỗ trợ của Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Năm 2012 hoàn thành dự án Ký túc xá sinh viên Lào, Nhà làm việc khu B và công trình năm tầng khu xưởng cơ khí.

Năm 2013 hoàn thành và đưa vào sử dụng kỹ túc xá khu B.

Từ 2010 đến 2015 nâng cấp một số phòng thí nghiệm, một số giảng đường đào tạo sau đại học, thư viện.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đảng ủy tập trung chỉ đạo việc thực hiện các chương trình bằng các Nghị quyết công tác của Đảng ủy.

- Nhà trường có kế hoạch cụ thể qua công tác thang, các Hội nghị liên tịch.

- Các phòng ban chức năng, các khoa và bộ môn lập kế hoạch triển khai trong từng học kỳ, từng năm học.

- Định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá rút kinh nghiệm theo từng quý học kỳ, từng năm học nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra.

Nơi gửi:

- ĐUK, ĐUT
- Các ĐBBP, chi bộ
- Lưu văn phòng

T/M ĐẢNG ỦY TRƯỞNG

Bí thư



Trần Đình Kiên